Bảng đơn vị đo độ dài

1. Số ?

1km = ... m
1hm = ... m
1dam = . . . m
1km = . . . hm
1hm = . . . dam

1m = ... mm
1m = ... cm
1m = . . . dm
1dm = ... mm
1cm = . . . mm

2. Số ?

5dam = . . . m
7hm = ... m
3hm = ... m
6dam = . . . m

2m = . . . dm
4m = ... cm
6cm = . . . mm
8dm = . . . cm

3. Tính (theo mẫu) :

Mẫu : 26m × 2 = 52m
25dam × 2 = . . .
18hm × 4 = . . .
82km × 5 = . . .

69cm : 3 = 23cm
48m : 4 = . . .
84dm : 2 = . . .
66mm : 6 = . . .

LIVEWORKSHEETS

4. Hùng cao 142cm, Tuấn cao 136cm. Hỏi Hùng cao hơn Tuấn bao nhiêu xăng-ti-mét ?

Bài giải

.....

.....

.....

4. Một cuộn dây thừng dài 2dam. Một cuộn dây ni lông dài gấp 4 lần cuộn dây thừng. Hỏi cuộn dây ni lông dài bao nhiêu mét ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

LIVEWORKSHEETS